

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày: 25/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa; Ông Nguyễn Quốc Sáu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Liên và ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 43/TLST- HS ngày 25 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Mạnh D** sinh năm 1992 tại: Hà Nội. Nơi cư trú: Tổ 8, phường V, quận H, TP H. Nghề nghiệp: Nhân viên bảo hiểm; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức T, sinh năm 1963; con bà: Đinh Thị T, sinh năm 1968, có vợ tên là Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1995 (đã ly hôn). Tiền án: không; Tiền sự: không; **Bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.**

- **Người bào chữa cho bị cáo Dũng:**

Luật sư Hoàng Trọng G và luật sư Mai Bá H công tác tại công ty Luật TNHH H, đoàn luật sư TP H (có mặt)

- **Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị V sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Tiên T, xã T, TP P, tỉnh B (có đơn xin xử vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 2, phường P, thị xã S, tỉnh L (có đơn xin xử vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh T (có đơn xin xử vắng mặt)

4. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 15, thôn T xã B, huyện V, tỉnh T (có đơn xin xử vắng mặt)

5. Ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Y, tỉnh N (vắng mặt không có lý do)

6. Chị Trần Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đội 4, Đ, V, T, TP H (vắng mặt không có lý do)

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Đội 7, Đ Vạn Đ, T, TP Hà Nội (vắng mặt không có lý do)
2. Ông Hà Duyên H, sinh năm 1970
Địa chỉ: 197, Nguyễn T, phường T, TP T, tỉnh T (vắng mặt không có lý do)
3. Anh Phạm Anh T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Số nhà 14/3 Lê Hồng P, phường N, quận T, TP H (có đơn xử vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh năm 1996
Địa chỉ: Số 180 T, phường T, quận B TP H (có đơn xử vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ 14, ấp 3, xã Xuân T, huyện H, TP H (có đơn xử vắng mặt)
6. Chị Trần Thị N, sinh năm 1995
Địa chỉ: SN 14, ngõ 96, đường Xuân T, phường Đ, quận B, TP H (có đơn xử vắng mặt)
6. Chị Lê Thị L, sinh năm 1995
Địa chỉ: Số nhà 04/170 Lê Huy T, phường Quảng T, TP T (có đơn xử vắng mặt)
7. Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Số nhà 04/170 Lê Huy T, phường Q, TP T (có đơn xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 2023, do cần tiền đầu tư vào mua bán tiền ảo (USDT) nên Trần Mạnh D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, D đã lên mạng xã hội mua một căn cước công dân mang tên Nguyễn Trường S bản photo có thông tin căn cước công dân số: 038096009884, sinh ngày: 16/12/1996, địa chỉ: N , N , T với giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 01 sim điện thoại số 0866.625.740 giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) với mục đích để mở một tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn T. Do có quen biết người bạn đang làm nhân viên ngân hàng TMCP H Việt Nam (MSB) là Phạm Anh T, sinh năm 1992 trú tại N, quận H, thành phố H. Cùng thời điểm, đó Phạm Anh T đang cần mở tài khoản chạy số lượng, đạt chỉ tiêu công việc nên đã tìm và gặp D nhờ ký mở lô tài khoản chi hộ lương cho công nhân viên gồm 29 tài khoản, do D có giấy đăng ký kinh doanh hộ gia đình nên khi T nhờ ký thì D đồng ý, nhân lúc đang cần mở một tài khoản ngân hàng ảo để phục vụ việc thực hiện hành vi lừa đảo thì D gửi giấy căn cước công dân tên Nguyễn Trường S nhờ T đưa vào danh sách cùng 29 thông tin khách hàng khác để D ký hợp đồng gửi ngân hàng MSB chi nhánh G H mở tài khoản. Ngày 28/4/2023, sau khi tài khoản ngân hàng MSB số: 03601014999161 mang tên Nguyễn Trường S được mở, D dùng sim số 0866.625.740 nhận mã OTP để kích hoạt tài khoản sử dụng, để tiện cho việc nhớ thông tin tài khoản ngân hàng khi sử dụng thì D lưu thông tin tài khoản ngân hàng và số điện thoại 0866.625.740 vào máy điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh-đen đang sử dụng ở mục danh bạ là: T T và mua một điện thoại khác lắp sim số trên để sử dụng. Sau khi có tài khoản ngân hàng, D vào mạng xã hội Facebook tìm các tài khoản Facebook của những người đang đi học hoặc làm việc tại nước ngoài, tìm hiểu các mối quan hệ của chủ tài khoản đó, thu

thập thông tin, bài viết, ảnh cá nhân của chủ tài khoản, sau đó D sẽ lập một tài khoản Facebook giả mạo giống với chủ tài khoản rồi gửi lời mời kết bạn tương tác trên Facebook với người thân của họ, nếu những người thân, bạn bè của chủ tài khoản đồng ý kết bạn thì D sẽ nhắn tin trên ứng dụng Messenger với những người này rồi nhờ chuyển tiền để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau thời gian vào mạng xã hội tìm hiểu các tài khoản Facebook, Trần Mạnh D đã tìm và giả mạo được 6 tài khoản Facebook, sau đó D đã sử dụng tài khoản giả mạo gửi lời kết bạn và nhắn tin với những người thân (bố, mẹ) chủ tài khoản để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể các vụ việc như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng hơn 10 giờ ngày 18/5/2023, Trần Mạnh D mạo danh và sử dụng tài khoản Facebook có tên “Ngọc Á” gửi kết bạn với tài khoản Facebook “Vân N” của chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 trú tại thôn Tiến T, xã Tiến L, TP P, tỉnh B, trước đó do tìm hiểu trên trang cá nhân Facebook Ngọc Á, D biết được tài khoản Facebook Ngọc Á đang học bên N và có mẹ sử dụng tài khoản Facebook V. Sau khi thấy tài khoản Vân Nguyễn chấp nhận lời mời kết bạn trên Facebook, D liền sử dụng tài khoản Facebook Ngọc Á gọi ứng dụng Messenger khi thấy tài khoản V nghe máy thì D không nói gì mà tắt máy rồi tiếp tục nhắn tin lấy lý do mạng kém nên nhắn tin, sau đó D nhắn tin rằng: *“Con đang nhận chuyển tiền cứ 10 triệu lãi 1 triệu giờ con có người bạn làm chung cần chuyển 78 triệu đồng để đóng tiền viện phí, con đã nhận đủ tiền của bạn bên đây rồi, giờ mẹ xem chuyển giúp cho nhà bạn con rồi con chuyển tiền về cho mẹ sau”*, sau đó thấy tài khoản này nhắn tin đồng ý nên D gửi tin nhắn số tài khoản ngân hàng MSB số: 03601014999161 đến tài khoản Facebook V nói rằng: *“Đây là số tài khoản của người nhà bạn ấy, mẹ gửi vào đây”*. Hồi 13 giờ 06 phút ngày 18/5/2023, Nguyễn Thị V dùng tài khoản ngân hàng BIDV: 61110000820344 chuyển tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến tài khoản MSB Nguyễn Trường S kèm nội dung *“Nguyễn Thị V chuyển tiền”* và đến hơn 15 giờ 06 phút cùng ngày chị V tiếp tục sử dụng số tài khoản BIDV ở trên chuyển tiếp số tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến tài khoản MSB Nguyễn Trường S. Sau khi nhận được số tiền trên, Trần Mạnh D tiếp tục nhắn tin yêu cầu tài khoản V chuyển tiếp số tiền còn lại nhưng không thấy tài khoản này trả lời nên D đã xóa bỏ tài khoản Facebook Ngọc Á giả mạo. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 70.000.000 đồng của chị V, D vào sàn giao dịch tiền ảo Bybit sử dụng tài khoản: Nguyễn Trường S N và sử dụng tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S chuyển tiền mua USDT với Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 trú tại tổ 14 ấp 3, xã X, huyện H, TP H với số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 trú tại số 655, ấp Thanh Q, xã B, huyện B, tỉnh B với số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Lê Thị L, sinh năm 1995 trú tại số 04/170 Lê Huy T, phường Q, thành phố T với số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Trần Thị N, sinh năm 1995 trú tại số nhà 14, ngõ 96, đường T, phường Đ, quận B, TP H với số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ hai:

Khoảng hơn 12 giờ 39 phút ngày 20/5/2023, Trần Mạnh D mạo danh tài khoản Facebook có tên “Bùi V” đang học tại H nhắn tin đến tài khoản Facebook

có tên “Ngọc N ” của chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1979 trú tại tổ 2, phường P, thị xã S , tỉnh L, D biết tài khoản N là mẹ của B, sau đó nhắn tin với nội dung: *“con có chị làm chung với con đang cần tiền gửi về cho người nhà chị ấy ở Việt Nam để mở gấp mà hệ thống ngân hàng bạn không gửi về kịp, chị ấy nhờ mình giúp rồi gửi thêm 7 triệu đồng tiền phí mẹ ạ, ở bên này con nhận của chị ấy 86 triệu đồng luôn rồi, giờ mẹ chuyển tiền luôn cho chị ấy nhé”*. Thì tài khoản này trả lời: *“chờ mẹ tí, để mẹ chuyển”*, thấy lâu chị N chưa chuyển thì D sử dụng hình ảnh tay đang cầm đếm tiền nước ngoài (đồng Won, Yên) đã tải trên mạng, gửi hình ảnh và nhắn tin: *“nhà chị ấy cần tiền để kịp vào mở”*, thì tài khoản trả lời *“được, mẹ chuyển luôn”*, khi thấy chị N nhắn tin đồng ý chuyển tiền thì D nhắn tin cho chị N số tài khoản ngân hàng MSB số: 03601014999161 và nói: *“đây là tài khoản nhà chị ấy”*, khi thấy chị N lâu chuyển tiền thì D tiếp tục nhắn tin lý do: *“người nhà chị ấy bị viêm màng não, đợi ở viện mở gấp”* nên sau đó chị N nhắn tin: *“mẹ gửi luôn”*, thì D nhắn tin bảo chị N: *“chuyển xong mẹ gửi hóa đơn chuyển tiền cho con để con xác nhận với chị ấy”*. Do tin tưởng rằng con trai đang nhắn tin cần tiền nên 12 giờ 49 phút cùng ngày, chị N dùng tài khoản ngân hàng Vietinbank: 106899008888, chuyển 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng) đến số tài khoản ngân hàng MSB: 03601014999161 của D, sau đó thấy tài khoản N của chị N gửi hình ảnh sao kê chuyển tiền gửi qua tin nhắn đến Facebook B rồi D tiếp tục sử dụng tài khoản B nhắn tin cho tài khoản N yêu cầu gửi thêm 181.000.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu đồng), nhưng chị N không gửi thì D xóa bỏ tài khoản Facebook B. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 79.000.000 đồng của chị N, D tiếp tục sử dụng tài khoản MSB Nguyễn Trường S chuyển tiền mua tiền USDT của Lê Thị L, sinh năm 1995 trú tại số nhà 04/170 Lê Huy T, phường Quảng T, TP T với số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng); Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 trú tại tổ 14 ấp 3, xã X, huyện H, TP H với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996 trú tại số 180 Tân Nhục 2, phường T, quận B, TP H với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ ba:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/5/2023, Trần Mạnh D giả mạo tài khoản Facebook có tên “Trịnh Như Q” nhắn tin với tài khoản Facebook tên “Quỳnh N” của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979 trú tại khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh T với nội dung: *“con có chị bạn làm cùng đang cần số tiền 79 triệu đồng để mở gấp cho người nhà ở Việt Nam, con đã nhận tiền của chị ấy bên này 86 triệu đồng đồng rồi, mẹ gửi tiền cho người nhà chị ấy rồi con gửi tiền lại trả lại cho mẹ”*, để tạo thêm niềm tin D gửi hình ảnh tay đang cầm đếm tiền gửi cho chị N, sau khi thấy ảnh chị N tin tưởng là con gái đang nhắn tin và đồng ý chuyển tiền, thì lúc này D chuyển số tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S số: 03601014999161 qua Messenger cho chị N nói rằng: *“Đây là tài khoản người nhà bạn con, mẹ chuyển tiền vào đó”*. Hồi 13 giờ 17 phút ngày 21/5/2023, chị N sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 3524205054398 chuyển lần 1: 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) sang tài khoản Nguyễn Trường S, do đang thiếu nên chị N đã vay và nhờ ông Hà Duyên H, sinh năm 1970 trú tại phường T, thành phố T, sử dụng số tài khoản ngân hàng Vietcombank số: 0371000479587 chuyển số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S.

Sau đó, D tiếp tục nhắn tin cho chị N yêu cầu chuyển thêm 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng) nhưng chị N không chuyển tiền. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 79.000.000 đồng của chị N, D tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S chuyển tiền để mua tiền USDT của Hoàng Đình T, sinh năm 1992 trú tại số nhà 04/170 Lê Huy T, phường Quảng T, TP T với số tiền: 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng); Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 trú tại tổ 14 ấp 3, xã X, huyện H, TP H với số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Lê Thị L, sinh năm 1995 trú tại số nhà 04/170 Lê Huy T, phường Q, TP T với số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ tư:

Khoảng 14 giờ 13 phút ngày 21/5/2023, Trần Mạnh D mạo danh tài khoản Facebook có tên “Thanh Maii” đang du học bên H, nhắn tin qua ứng dụng Messenger với tài khoản “Kiên T” của chị Phạm Thị T, sinh năm 1975 trú tại xóm 15, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh T với nội dung: *“con có người bạn làm cùng giờ ở nhà chị ấy bên Việt Nam có việc rất cần tiền, mà chưa gửi tiền về nhà được, do đang lỗi hệ thống ngân hàng, mà cần số tiền là 79 triệu đồng, mẹ chuyển tiền rồi bên này chị ấy sẽ chuyển tiền cho con sau, con sẽ chuyển tiền về trả mẹ”*. Khi thấy tài khoản “Kiên T” của chị T nhắn tin trả lời: *“ừ”* thì D nhắn tin gửi số tài khoản ngân hàng MSB tên Nguyễn Trường S: 03601014999161 gửi cho chị T và nói: *“Đây là tài khoản ngân hàng của người nhà chị ấy, mẹ gửi tiền thì chụp ảnh hình ảnh giao dịch gửi cho con để con nói với chị ấy nhé”*. Để tạo sự tin tưởng, D dùng hình ảnh tay đang cầm đếm tiền gửi cho chị T. Hồi 15 giờ 23 phút ngày 21/5/2023, chị T dùng tài khoản Agribank: 3402205145036 chuyển 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S đồng thời chị T chụp hình ảnh sao kê giao dịch chuyển qua Facebook Thanh Maii cho D biết. Sau đó D tiếp tục dùng tài khoản Facebook Thanh Maii nhắn tin đến facebook K cho chị T với nội dung: *“người nhà chị ấy vẫn cần tiền nhờ mẹ chuyển giúp cho chị ấy thêm 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), không có thì mẹ vay đâu chuyển cho chị ấy rồi chị ấy chuyển thêm cho mình 5.000.000đ (năm triệu đồng)”*, tuy nhiên chị T không chuyển tiền. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 79.000.000 đồng của chị T, D tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S chuyển tiền mua USDT với Trần Thị N, sinh năm 1995 trú tại số nhà 14, ngõ 96, đường T, phường Đ, quận B, TP H hai lần, lần 1 số tiền: 29.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), lần 2 là: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 trú tại tổ 14 ấp 3, xã X, huyện H, TP H với số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và đồng thời D thu hồi các tin nhắn với chị T và xóa tài khoản Thanh Maii.

Vụ thứ năm:

Sáng ngày 22/5/2023, Trần Mạnh D giả mạo tài khoản Facebook Đặng Thị M, sinh năm 2002 hiện nay đang xuất khẩu lao động tại N nhắn tin qua ứng dụng Messenger với tài khoản Facebook của ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1969 trú tại xóm T, xã N, huyện Y, tỉnh N, do trước đó D đã tìm hiểu Facebook của hai người này có quan hệ là bố với con và hiện tại M đang làm việc bên N nên D tạo tài khoản giống với tài khoản Facebook Đặng Thị M và gửi lời kết bạn với tài khoản Facebook của ông M. Sau khi kết bạn với nhau qua Facebook, sáng ngày

22/5/2023 D sử dụng tài khoản giả mạo là M nhắn tin với tài khoản của ông M xưng là con, nhắn tin với nội dung: *“Con có người bạn bên này, người ở Bắc Giang đang có người nhà bên Việt Nam đi viện cần tiền để mổ, con đã cầm số tiền 40 triệu đồng rồi, nhờ bố gửi tiền cho người nhà bạn ấy rồi con gửi về sau”*. Để tạo niềm tin D dùng hình ảnh tay đang cầm đếm tiền gửi cho tài khoản Facebook của ông Minh, làm cho ông M tin tưởng là con gái mình và nhắn tin lại: *“Đang bận làm việc, lát sẽ gửi sau”* thì D gửi số tài khoản MSB Nguyễn Trường S cho ông M và nhắn tin rằng: *“Đây là tài khoản người nhà bạn ấy, bố gửi tiền qua đó”*. Hồi 11 giờ 36 phút ngày 22/5/2023, ông Đặng Ngọc M sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV: 51210000757848 chuyển số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến tài khoản MSB Nguyễn Trường S của D với nội dung *“Đặng Ngọc M chuyển tiền”*.

Vụ thứ sáu:

Khoảng 09 giờ ngày 22/5/2023, Trần Mạnh D giả mạo tài khoản Facebook tên “Phạm Bá T” để hình ảnh một nam thanh niên qua tìm hiểu các bài đăng thì Dũng biết người này đang học bên N, nhắn tin qua ứng dụng Messenger với tài khoản Facebook có tên “Huyền T” của chị Trần Thị H, sinh năm 1971 trú tại đội 4, Đ, xã V, huyện T, thành phố H, qua tìm hiểu trên trang Facebook của Phạm Bá T, D biết được tài khoản Huyền T là mẹ của Phạm Bá T nên sau đó D nhắn tin nói rằng: *“Con có người bạn bên N có bố mẹ ở V đang rất cần tiền, nhờ mẹ chuyển hộ 35 triệu đồng”*, thấy chị H nhắn tin: *“không có tiền”*, D nhắn tin cho chị H: *“nhờ ai đó chuyển tiền rồi con trả sau”*, để tạo thêm niềm tin cho chị H thì D nhắn tin nói rằng: *“Con đã nhận được tiền của bạn ấy trả bên này rồi”* và dùng hình ảnh tay đang cầm đếm tiền gửi cho chị H, khi thấy chị H tin tưởng đồng ý chuyển tiền thì D gửi số tài khoản MSB: Nguyễn Trường S, số tài khoản: 03601014999161, nhắn tin rằng: *“đây là tài khoản của người nhà bạn con, mẹ gửi qua đó rồi chụp ảnh sao kê giao dịch gửi lại cho con nói với bạn ấy”*. Do không có tiền nên chị H vay và nhờ chị Trần Thị T, sinh năm 1982 trú tại đội 7, Đ, xã V, huyện T, thành phố H chuyển tiền. Hồi 11 giờ 46 phút ngày 22/5/2023, chị Trần Thị T sử dụng số tài khoản ngân hàng Techcombank số: 19035940956012 chuyển số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến tài khoản MSB Nguyễn Trường S của D, kèm theo nội dung giao dịch ngân hàng: *“Phạm Bá T chuyển tiền”*.

Với số tiền lừa đảo có được trong ngày 22/5/2023 là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) Trần Mạnh D tiếp tục sử dụng để mua tiền USDT nhưng khi sử dụng giao dịch chuyển tiền trên tài khoản ngân hàng MSB Nguyễn Trường S thấy tài khoản này không thể giao dịch chuyển và nhận tiền. Lo sợ bị Công an phát hiện nên Trần Mạnh D đã xóa toàn bộ các tài khoản Facebook đã giả mạo, tháo sim số điện thoại: 0866.625.740, đồng thời vứt chiếc máy điện thoại sử dụng thực hiện hành vi trên.

Ngày 23/6/2023 biết Công an thị xã B đã phát hiện ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, biết không thể trốn tránh nên Trần Mạnh D đã đến Công an thị xã B đầu thú đồng thời khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại cầm ứng và sim số điện thoại: 0866.625.740 D sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo. Theo khai báo của Trần Mạnh D, sau khi phát hiện thấy tài khoản ngân hàng không thể giao dịch, lo sợ

hành vi của bản thân đã bị công an phát hiện nên D đã tháo sim cùng điện thoại vứt đi, hiện nay vứt ở đâu thì D không nhớ, vì vậy Cơ quan điều tra không thể truy thu được vật chứng trên.

Đối với số tiền sau khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được, Trần Mạnh D đã đầu tư mua tiền ảo USDT hết, do lo sợ bị công an phát hiện nên D đã xóa tài khoản giao dịch tiền ảo “Nguyễn Trường S N” nên hiện nay cơ quan điều tra không thể truy thu được số tiền.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với thẻ ngân hàng VP Bank mang tên Trần Mạnh D, quá trình điều tra xác định không liên quan tới vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị can Trần Mạnh D.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) còn trong tài khoản MSB Nguyễn Trường S, Cơ quan điều tra đã yêu cầu ngân hàng MSB chuyển số tiền trên tới tài khoản của Công an thị xã B và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh-đen Imel: 353901108110471, Imel 2: 353901107960025, lắp sim số: 0865.663.818 thu giữ của Trần Mạnh D, được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã B bảo quản và chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Bị cáo Trần Mạnh D đã tác động đến gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho các người bị hại như bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 79.000.000đ, bồi thường cho chị Nguyễn Thị V số tiền 25.000.000đ, bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 30.000.000đ, bồi thường cho chị Phạm Thị T số tiền 30.000.000đ. Các gia đình người bị hại chị V, chị N, chị T yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSBS ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T đã truy tố Trần Mạnh D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Trần Mạnh D với mức án từ 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. **Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trần Mạnh D phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị V số tiền 45.000.000đ, chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 49.000.000đ và chị Phạm Thị T số tiền 49.000.000đ. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone, màu xanh-đen (loại màn hình cảm ứng, đã cũ, không kiểm tra chất lượng bên trong); Trả lại cho ông Đặng Ngọc M số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và chị Trần Thị H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 và khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần Mạnh D phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Các luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Trần Mạnh D không có tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ nên đề nghị HĐXX xem xét xử dưới khung hình phạt được áp dụng dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, điều tra viên; VKSND thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Mạnh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2023 đến ngày 22/5/2023 lợi dụng sự phát triển của mạng xã hội, sự sơ hở của người bị hại khi để các thông tin trên mạng mà không kiểm soát, bảo mật thông tin, lợi dụng sự lỏng lẻo trong việc mở tài khoản ngân hàng Trần Mạnh D đã mở tài khoản ngân hàng ảo lập tài khoản Facebook giả mạo là các chủ tài khoản đang học tập và làm việc ở nước ngoài để nhắn tin với những người thân của họ để chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian này D đã thực hiện 6 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất vào ngày 18/5/2023 lừa đảo chị Nguyễn Thị V số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); vụ thứ hai vào ngày 20/5/2023 lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng); vụ thứ 3 và thứ 4 vào ngày 21/5/2023 lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N số tiền 79.000.000đ và chị Phạm Thị T số tiền 79.000.000đ; vụ thứ 5 và thứ 6 vào ngày 22/5/2023 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đặng Ngọc M số tiền 40.000.000đ và chị Trần Thị H số tiền 20.000.000đ. Tổng giá trị tài sản 06 vụ lừa đảo Dưng chiếm đoạt tài sản là 367.000.000đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân đồng thời gây mất trật tự trị an. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục và nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà thành khẩn, ăn năn hối cải nên khi xét xử được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra công an thị xã Bim Sơn đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình khắc phục hậu quả bồi thường cho các gia đình người bị hại cụ thể bồi thường cho chị Nguyễn Thị N 79.000.000đ, bồi thường cho chị Nguyễn Thị V

số tiền 25.000.000đ và bồi thường cho chị Phạm Thị T 30.000.000đ, bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích N 30.000.000đ, gia đình những người bị hại là chị N, chị V, chị N, chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra hội đồng xét xử cũng xét bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị Bích N và chị Phạm Thị T cụ thể như sau:

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị V là 70.000.000đ; đã khắc phục được 25.000.000đ còn lại số tiền 45.000.000đ buộc bị cáo tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho chị V. Đối với số tiền của chị Nguyễn Thị Bích N 79.000.000đ, bị cáo đã khắc phục được 30.000.000đ, còn lại 49.000.000đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị N. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Phạm Thị T 79.000.000đ, bị cáo đã khắc phục được 30.000.000đ, số tiền còn lại 49.000.000đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị T.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu xanh đen loại màn hình cảm ứng đã cũ, chiếc điện thoại này bị cáo sử dụng sim số 0865663818 lưu thông tin Nguyễn Trường S, xét thấy chiếc điện thoại này có liên quan đến việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung quỹ chiếc điện thoại này.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt trong ngày 22/5/2023 của những người bị hại là ông Đặng Ngọc M số tiền 40.000.000đ và chị Trần Thị H số tiền 20.000.000đ, số tiền này bị cáo sử dụng để mua tiền USDT nhưng khi sử dụng trên tài khoản của ngân hàng MSB Nguyễn Trường S thất tài khoản này không thể giao dịch chuyển và nhận tiền nên bị cáo đã xóa toàn bộ các tài khoản facebook đã giả mạo, tháo sim điện thoại 0866625740, hiện nay số tiền 60.000.000đ bị cáo lừa đảo của ông M và chị H đã được cơ quan điều tra thu giữ chuyển sang chi cục thi hành án dân sự B nên áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho ông Đặng Ngọc M số tiền 40.000.000đ và trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 20.000.000đ.

[7] Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 và khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần Mạnh D phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí DSST là: 7.150.000đ (bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Mạnh D đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS.

* **Xử phạt:** Bị cáo Trần Mạnh D 5 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/6/2023.

- **Về trách nhiệm dân sự:** áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Mạnh D phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị V số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 49.000.000đ (bốn mươi chín triệu đồng); bồi thường cho chị Phạm Thị T số tiền 49.000.000đ (bốn mươi chín triệu đồng). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị Bích N và chị Phạm Thị T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất bằng ½ mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLHS.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho ông Đặng Ngọc M số tiền 40.000.000đ và trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 20.000.000đ theo tài khoản TK 3949 của chi cục thi hành án dân sự Bim Sơn.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu xanh đen loại màn hình cảm ứng đã cũ.

(Các tang vật nêu trên được bàn giao cho chi cục thi hành án dân sự Bim Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2023)

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 và khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần Mạnh D phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và án phí DSST là: 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân s

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/01/2024). Người bị hại chị Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Bích N, chị Phạm Thị T, chị Trần Thị H, ông Đặng Ngọc M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Bim Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA thị xã Bim Sơn;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Bim Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tạ Thị Hương